# Unit 4D. Grammar (trang 35)

**SBT Tiếng Anh 11 trang 35 Unit 4 Grammar - Friends Global**  
**1 (trang 35 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Complete the dialogue with the past simple and would base form. (Hoàn thành đoạn hội thoại với thì quá khứ đơn và dạng cơ sở)  
Tim: I think we're lost. If this (1) \_\_\_ (be) the right path, we (2) \_\_\_ (be) there by now.  
Paul: So which path should we be on?  
Tim: If I (3) \_\_\_\_ (know) that, we (4) \_\_\_\_ (not be) lost!|  
Paul: If you (5) \_\_\_\_\_ (have) your phone with you, we (7) \_\_\_\_ (be able to) look at a map.  
Tim: We decided not to bring our phones, remember? A weekend without technology....  
Paul: I know. I (8) \_\_\_\_ (not be) so worried if we (9) \_\_\_\_ (not be) so far from home.  
Next time, we should bring our phones, but only use them in an emergency.  
Tim: If you (10) \_\_\_\_ (bring) your phone with you, you (11) \_\_\_ (use) it all the time. You're addicted!  
**Đáp án:**  
1. was  
2. would be  
3. knew  
4. wouldn’t be  
5. had  
6. would be able to  
7. wouldn’t be  
8. weren’t  
9. brought  
10. would use  
**Giải thích:**  
Cấu trúc câu điều kiện loại 2 diễn tả một sự việc không có thật ở hiện tại: If + S + V2/ed, S + would / could + Vo (nguyên thể).  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tim: Tôi nghĩ chúng ta đã lạc đường. Nếu đây là con đường đúng thì bây giờ chúng ta đã ở đó rồi.  
Paul: Vậy chúng ta nên đi theo con đường nào?  
Tim: Nếu tôi biết điều đó thì chúng ta đã không lạc đường!  
Paul: Nếu bạn mang theo điện thoại, chúng ta sẽ có thể xem bản đồ.  
Tim: Chúng ta đã quyết định không mang theo điện thoại, nhớ chứ? Một ngày cuối tuần không có công nghệ...  
Paul: Tôi biết. Tôi sẽ không lo lắng đến thế nếu chúng tôi không ở quá xa nhà. Lần tới chúng ta nên mang theo điện thoại nhưng chỉ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp.  
Tim: Nếu bạn mang theo điện thoại bên mình, bạn sẽ sử dụng nó mọi lúc. Bạn đang nghiện nó!  
  
**2 (trang 35 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Complete the sentences with the past simple or would +base form, depending on the meaning. (Hoàn thành các câu với thì quá khứ đơn hoặc will + dạng cơ bản, tùy theo nghĩa)  
1. Our neighbours have still got my badminton net. I wish they \_\_\_ (give) it back!  
2. I can't work with the TV so loud. I wish you \_\_\_ (turn) it down!  
3. I love that new phone, but it's really expensive. If only it \_\_\_ (be) cheaper!  
4. Unfortunately, I don't see my cousins very often. I wish they \_\_\_ (live) closer.  
5. I want to go to bed, but our guests are still here. If only they \_\_\_ (leave)!  
6. I wish it \_\_\_\_(be) Friday today.  
7. I really want to go skiing tomorrow. If only it \_\_\_ (snow) tonight!  
**Đáp án:**  
1. would give  
2. would turn  
3. were  
4. lived  
5. would leave  
6. were  
7. would snow  
**Giải thích:**  
- Chúng ta sử dụng I wish (tôi ước)... and If only... (giá như) với thì quá khứ đơn để nói rằng chúng ta muốn một tình huống khác với thực tế của nó.  
- Chúng ta sử dụng I wish (tôi ước)... and If only... (giá như) với would not + nguyên mẫu không có ‘to’ để nói rằng chúng ta muốn ai đó cư xử khác đi.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Hàng xóm của chúng tôi vẫn còn giữ lưới cầu lông của tôi. Tôi ước họ sẽ trả lại nó!  
2. Tôi không thể làm việc với TV quá ồn ào. Tôi ước gì bạn sẽ vặn nhỏ âm lượng nó!  
3. Tôi thích chiếc điện thoại mới đó nhưng nó thực sự đắt tiền. Giá như nó rẻ hơn.  
4. Thật không may, tôi không gặp anh em họ của mình thường xuyên. Tôi ước họ sống gần hơn.  
5. Tôi muốn đi ngủ nhưng khách của chúng tôi vẫn còn ở đây. Giá như họ rời đi!  
6. Tôi ước gì hôm nay là thứ Sáu.  
7. Ngày mai tôi thực sự muốn đi trượt tuyết. Giá như đêm nay tuyết rơi!  
  
**3 (trang 35 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Rewrite the sentences. Use the second conditional. (Viết lại câu. Sử dụng điều kiện thứ hai)  
1. Our house doesn't have a big garden, so we have to play football in the park.  
If our house had a big garden, we wouldn't have to play football in the park  
2. I don't live in a detached house, so I can't play my music really loud.  
3. We don't have a nine-bedroom mansion, so we don't invite lots of friends and family to stay.  
4. Our flat is small, so my parents don't allow me to have a pet.  
5. I don't close my bedroom shutters at night, so I wake up early in the morning  
6. They haven't got a fence. Their dog keeps running away.  
7. They aren't interested in gardening. Their flower beds are a mess.  
8. I share a bedroom with my brother. I can't watch TV at night  
**Đáp án:**  
2. If I lived in a detached house, I could play my music really loud.  
3. If we had a nine-bedroom mansion, we would invite lots of friends and family to stay.  
4. If our flat wasn’t so small, my parents would allow me to have a pet.  
5. If I closed my bedroom shutters at night, I wouldn’t wake up early in the morning.  
6. If they had a fence, their dog wouldn’t keep running away.  
7. If they were interested in gardening, their flowerbeds wouldn’t be a mess.  
8. If I didn’t share a bedroom with my brother, I could watch TV at night.  
**Giải thích:**  
Cấu trúc câu điều kiện loại 2 diễn tả một sự việc không có thật ở hiện tại: If + S + V2/ed, S + would / could + Vo (nguyên thể).  
**Hướng dẫn dịch:**  
2. Nếu tôi sống trong một ngôi nhà biệt lập, tôi có thể mở nhạc thật to.  
3. Nếu chúng tôi có một biệt thự chín phòng ngủ, chúng tôi sẽ mời rất nhiều bạn bè và gia đình đến ở.  
4. Nếu căn hộ của chúng tôi không quá nhỏ thì bố mẹ tôi sẽ cho phép tôi nuôi thú cưng.  
5. Nếu tôi đóng cửa chớp trong phòng ngủ vào ban đêm, tôi sẽ không thể dậy sớm vào buổi sáng.  
6. Nếu họ có hàng rào, con chó của họ sẽ không bỏ chạy nữa.  
7. Nếu họ quan tâm đến việc làm vườn thì luống hoa của họ sẽ không trở thành một mớ hỗn độn.  
8. Nếu tôi không ngủ chung phòng với anh trai thì buổi tối tôi có thể xem TV.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 4A. Vocabulary (trang 32)**  
**Unit 4B. Grammar (trang 33)**  
**Unit 4C. Listening (trang 34)**  
**Unit 4E. Word Skills (trang 36)**  
**Unit 4F. Reading (trang 37)**  
**Unit 4G. Speaking (trang 38)**  
**Unit 4H. Writing (trang 39)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health